

# QUAN HỆ CỦA CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC DÂN TỘC VỚI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI QUỐC GIA VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG\*

Hoàng Xuân Lương<sup>a</sup>

Phan Văn Cường<sup>b</sup>

<sup>a</sup> Ủy ban Dân tộc

Email: [hoangxluong@gmail.com](mailto:hoangxluong@gmail.com)

<sup>b</sup> Học viện Dân tộc

Email: [cuongpv@hvd.edu.vn](mailto:cuongpv@hvd.edu.vn)

Ngày nhận bài: 03/8/2020

Ngày phản biện: 14/9/2020

Ngày tác giả sửa: 14/9/2020

Ngày duyệt đăng: 16/9/2020

Ngày phát hành: 30/9/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/442>

*Năm 2020 là năm quan trọng, có tính bước ngoặt của đất nước, Trung ương Đảng và Bộ Chính trị chỉ đạo tổng kết Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chiến lược giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045. Đây là cơ sở để các bộ, ngành Trung ương và địa phương tổng kết, xây dựng chiến lược của ngành, lĩnh vực quản lý, trong đó có ngành công tác dân tộc. Chiến lược công tác dân tộc liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, ngoài việc thực hiện, cụ thể hóa quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Do tính đặc thù của công tác dân tộc là “đa ngành, đa lĩnh vực” nên việc xây dựng chiến lược công tác dân tộc cần thể hiện được vai trò điều phối, thẩm định, kiểm tra, giám sát đối với các ngành, các lĩnh vực liên quan đến phát triển vùng dân tộc thiểu số.*

**Từ khóa:** Chiến lược công tác dân tộc; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

## 1. Đặt vấn đề

Chiến lược công tác dân tộc (CTDT) là chiến lược ngành, được hình thành trên cơ sở Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) quốc gia, là cụ thể hóa một bước những quan điểm, mục tiêu, định hướng chủ đạo về phát triển của ngành, lĩnh vực, vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) mang tính đặc thù nhằm thực hiện thành công Chiến lược phát triển KT-XH của đất nước.

Năm 2013, Chiến lược công tác dân tộc ra đời theo Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020. Tiếp đó, vào ngày 4/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2356/QĐ-TTg về Chương trình hành động thực hiện chiến lược. Chiến lược ra đời có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu một bước phát triển, đổi mới trong lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc nói riêng, đồng thời khẳng định vị thế mới trong phát triển KT-XH chung của cả nước.

Có thể nói, chiến lược phát triển KT-XH của quốc gia qua các thời kỳ đã có tác động toàn diện, xuyên suốt đối với sự phát triển KT-XH vùng dân

tộc thiểu số (DTTS) và các DTTS. Chiến lược phát triển KT-XH thời kỳ 2011 - 2020 đã chỉ rõ: “Tạo điều kiện phát triển nhanh hơn các khu vực còn nhiều khó khăn, đặc biệt vùng biên giới, hải đảo, Tây Nam Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc và phía Tây các tỉnh miền Trung. Đối với vùng trung du và miền núi cần phát triển mạnh sản xuất lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi đại gia súc tạo thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, trước hết là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Bảo vệ phát triển rừng. Khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, thủy điện và khoáng sản; xây dựng hồ chứa nước, phát triển thủy lợi kết hợp thủy điện và ngăn lũ... Phát triển giao thông nông thôn, đảm bảo đường ô tô tới các xã thông suốt bốn mùa và từng bước có đường ô tô đến thôn, bản. Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, không ngừng cải thiện đời sống và chất lượng dân số của đồng bào DTTS...”. Đây là những quan điểm, định hướng lớn có ý nghĩa quan trọng đề ra chương trình phát triển KT-XH thời kỳ 2011 - 2020 với hàng loạt chính sách cho vùng DTTS&MN, bao phủ toàn bộ các lĩnh vực như phát triển sản xuất, cơ sở hạ tầng, văn hóa xã hội, xóa đói giảm nghèo...

Chiến lược CTDT đã chỉ rõ các mục tiêu, nội

\* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Bộ: “Nghiên cứu, đề xuất chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030”, mã số ĐTCB.UBDT.01.17-19.

dung chủ yếu đối với CTDT đến năm 2020. Các mục tiêu, nội dung nhiệm vụ đều có mối quan hệ mật thiết với chiến lược của các ngành, các lĩnh vực khác trong hệ thống chiến lược tổng thể của quốc gia. Công tác dân tộc không thể tách biệt mà liên hệ mật thiết với công tác giáo dục, phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Đã có một số công trình nghiên cứu liên quan làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn khi xây dựng Chiến lược phát triển KT-XH Việt Nam và chiến lược phát triển của một số ngành, lĩnh vực cụ thể. Trong đó, có thể kể đến một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như: Ngô Doãn Vịnh (2003), “Nghiên cứu Chiến lược và Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam – Học hỏi và sáng tạo”. Trong nghiên cứu, tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận, các khái niệm liên quan và quy trình, xây dựng chiến lược phát triển. Tác giả cho rằng, hiện có nhiều cách phân loại chiến lược, tùy theo góc nhìn của nhà nghiên cứu. Về phạm vi có thể phân chia thành chiến lược toàn cầu, hoặc chiến lược theo vùng, lãnh thổ; trong một quốc gia thì có chiến lược phát triển quốc gia và chiến lược phát triển theo ngành, lĩnh vực. Về nguyên tắc chiến lược quy mô nhỏ hơn thì không được trái với nguyên tắc, quan điểm của chiến lược có quy mô lớn hơn và bao trùm lên nó, có nghĩa là chiến lược ngành, lĩnh vực phải phù hợp với chiến lược quốc gia.

Các nghiên cứu của Viện Chiến lược Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư mang tính khái quát, tổng quan, cung cấp cơ sở khoa học, đặc biệt là cơ sở lý luận và thực tiễn, những kinh nghiệm trong nước và quốc tế cho việc xây dựng chiến lược phát triển KT-XH Việt Nam, của các ngành, lĩnh vực qua các thời kỳ. Công trình nghiên cứu “Cơ sở khoa học một số vấn đề trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn 2020” (Viện Chiến lược Phát triển, 2000), là nghiên cứu quan trọng, cung cấp các luận cứ khoa học, các vấn đề căn bản, các mục tiêu, nội dung, định hướng mà Chiến lược phát triển KT-XH giai đoạn 2001-2010 hướng tới 2020 cần có. Trong công trình nghiên cứu này, nhiều nội dung liên quan về phát triển của các ngành, lĩnh vực đã được đề cập. Bên cạnh đó, “Tuyển tập những công trình nghiên cứu về phát triển” của Viện Chiến lược Phát triển (2008), Nxb Chính trị Quốc gia là cuốn sách hình thành trên cơ sở tập hợp kết quả của các đề tài nghiên cứu cấp Bộ và bài viết của các nhà nghiên cứu của Viện về vấn đề phát triển. Nội dung cuốn sách tập trung làm rõ các vấn đề: (1) Chiến lược phát triển đất nước, định hướng tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực: con người và nguồn nhân lực; nông nghiệp, nông thôn, nông dân; dịch vụ; xuất nhập khẩu, kết cấu

hạ tầng; khoa học - công nghệ... (2) Tổ chức lãnh thổ KT-XH: phát triển các khu kinh tế ven biển và cửa khẩu, các hành lang kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, phát triển kinh tế biên, đô thị hóa gắn với tăng trưởng kinh tế, tổ chức lãnh thổ KT-XH địa phương. (3) Bối cảnh bên ngoài và các tác động đến phát triển KT-XH của Việt Nam...

Công trình nghiên cứu “Cơ sở khoa học xây dựng chiến lược phát triển các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đến năm 2020” (Khổng Diễn, chủ nhiệm, 2011) là đề tài nghiên cứu cấp Bộ do Ủy ban Dân tộc quản lý. Trong công trình này, tác giả đã xác định vị trí, vai trò và mối quan hệ của chiến lược phát triển DTTS ở Việt Nam với các chiến lược khác. Theo đó, tác giả khẳng định, chiến lược này là chiến lược ngành và phải phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH của quốc gia, đồng thời, cũng có mối quan hệ “ngang” với chiến lược của các ngành khác và chiến lược CTDT, hay chiến lược phát triển các DTTS phải có vị trí quan trọng hơn, có vai trò điều phối các chiến lược khác.

Như vậy, đã có một số công trình nghiên cứu liên quan, làm rõ cơ sở lý thuyết, các khái niệm về chiến lược, chiến lược phát triển các DTTS. Các công trình nghiên cứu khẳng định, chiến lược CTDT là chiến lược ngành, là một thành tố, bộ phận của chiến lược phát triển KT-XH của quốc gia.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ mối quan hệ của chiến lược CTDT với chiến lược phát triển KT-XH của quốc gia và chiến lược phát triển của ngành, lĩnh vực, bài viết sử dụng phương pháp thu thập thông tin thông qua các tài liệu thứ cấp, kế thừa kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ: “Nghiên cứu đề xuất chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030”. Đồng thời kết hợp với các phương pháp tổng kết thực tiễn, phân tích và so sánh.

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Quan hệ của Chiến lược công tác dân tộc với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia

Chiến lược phát triển KT-XH quốc gia là hệ thống những quan điểm, mục tiêu, định hướng chủ đạo về phát triển KT-XH của đất nước trong thời kỳ dài hạn, nhằm thực hiện thành công cương lĩnh và đường lối phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước. Chiến lược này có vị trí đặc biệt quan trọng và là thành tố quan trọng nhất, thực hiện chức năng chuyên hóa cương lĩnh và đường lối phát triển đất nước của Đảng thành những quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển cụ thể, toàn diện đối với mọi mặt đời sống chính trị, KT-XH, an ninh quốc phòng. Phần tổ chức thực hiện của chiến lược ghi rõ “căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các bộ ngành cụ thể hóa, xem xét xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của ngành mình quản lý cho phù

hợp”. Đây là văn bản pháp lý, cơ sở thực tiễn để các bộ, ngành liên quan xây dựng chiến lược của ngành. Chiến lược phát triển KT-XH cũng định hướng và là cơ sở quan trọng nhất để xây dựng các chiến lược phát triển theo ngành, lĩnh vực, vùng, lãnh thổ và thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của các địa phương. Từ đó tạo thành một thể thống nhất trong hệ thống chủ trương, đường lối, chính sách để điều hành toàn bộ sự phát triển đất nước.

Chiến lược CTDT được hình thành trên cơ sở Chiến lược phát triển KT-XH quốc gia, là sự cụ thể hóa hơn một bước những quan điểm, mục tiêu, định hướng chủ đạo về phát triển của ngành, lĩnh vực, vùng DTTS&MN, mang tính đặc thù trong thời kỳ nhằm thực hiện thành công Chiến lược phát triển KT-XH của đất nước. Có thể nói, chiến lược phát triển KT-XH của quốc gia có mối quan hệ tác động lớn tới sự phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS, tác động toàn diện, xuyên suốt đối với sự phát triển KT-XH của các DTTS. Chiến lược phát triển KT-XH thời kỳ 2011-2020 chứa đựng những tư tưởng, quan điểm, định hướng lớn làm căn cứ để cụ thể hóa trong chiến lược CTDT đến năm 2020, có ý nghĩa quan trọng để đề ra những chính sách, chương trình phát triển KT-XH thời kỳ 2011-2020 với hàng loạt các chính sách cho vùng DTTS&MN.

Chiến lược CTDT có mối quan hệ biện chứng với Chiến lược phát triển KT-XH quốc gia: Chiến lược CTDT phải phù hợp với Chiến lược phát triển tổng thể KT-XH của quốc gia. Việc thực hiện từng nội dung của chiến lược CTDT có vai trò quan trọng góp phần vào việc thực hiện tốt chiến lược phát triển KT-XH quốc gia. Chiến lược CTDT là sự cụ thể hóa chiến lược KT-XH của quốc gia đối với lĩnh vực CTDT như kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, an ninh, quốc phòng vùng DTTS&MN. Trong chiến lược phát triển KT-XH thời kỳ 2011-2020, phần mục tiêu đã chỉ rõ: “Phấn đấu đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011), thì trong mục tiêu tổng quát của chiến lược CTDT đến năm 2020 cũng nêu rõ: “Phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững; đẩy mạnh giảm nghèo vùng DTTS, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc; giảm dân vùng đặc biệt khó khăn; từng bước hình thành các trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học vùng DTTS; phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS; tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người DTTS; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng” (Thủ tướng Chính phủ, 2013).

Như vậy, từng mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung thực hiện chiến lược CTDT góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu, nội dung của chiến lược phát triển KT-XH, trong đó có những vấn đề mà chiến lược CTDT đề cập đến rất rõ như: “giữ gìn ổn định chính trị vùng biên giới, đảm bảo an ninh quốc phòng” có ý nghĩa quan trọng và là then chốt cho đảm bảo an ninh, quốc phòng cho cả nước, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nước ta; “thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo vùng DTTS&MN” cũng là những mục tiêu chung của cả nước là: “nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân”; nội dung “phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS&MN” góp phần quan trọng thực hiện 1 trong 3 khâu đột trong Chiến lược phát triển KT-XH đã là “tập trung vào phát triển nguồn nhân lực”... Mặt khác, chiến lược CTDT có vai trò quan trọng trong đảm bảo sự phát triển ổn định KT-XH của đất nước. Chính vì vậy, chiến lược CTDT không thể tách rời chiến lược phát triển KT-XH của đất nước và các nội dung của chiến lược CTDT bao phủ hầu hết đời sống KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, Việt Nam đã có ba bản chiến lược phát triển KT-XH: Chiến lược phát triển KT-XH thời kỳ 1991 –2000 “Chiến lược ổn định và phát triển KT-XH đến năm 2000”; Chiến lược phát triển KT-XH thời kỳ 2001 –2010 “Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp” và hiện nay là Chiến lược phát triển KT-XH thời kỳ 2011-2020. Nhìn lại quá trình thực hiện, nguyên nhân thành công của chiến lược là những tư tưởng, quan điểm cơ bản, định hướng cho toàn bộ các ngành, lĩnh vực cụ thể hóa, xây dựng chiến lược, quy hoạch, chương trình hành động. Thực tế, triển khai chiến lược phát triển KT-XH cho thấy, các bộ, ngành đã cụ thể hóa, xây dựng hơn 20 bản chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành quản lý như: Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam đến năm 2010; chiến lược xóa đói giảm nghèo; chiến lược về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;... quy hoạch vùng Đông Bắc; quy hoạch vùng Tây Bắc... Những văn bản, chiến lược này có mối quan hệ, tác động tích cực đến phát triển KT-XH vùng DTTS&MN.

#### **4.2. Quan hệ của chiến lược công tác dân tộc với các chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực**

Các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, vùng... là các “nhánh” được hình thành trên cơ sở chiến lược phát triển KT-XH quốc gia, được cụ thể hóa một bước những quan điểm, mục tiêu, định hướng chủ đạo về phát triển của ngành, lĩnh vực, vùng mang tính đặc thù trong thời kỳ dài hạn nhằm thực hiện thành công chiến lược phát triển KT-XH đất nước. Vì thế, đây chính là cơ sở, phương hướng để xây dựng, lựa chọn các phương án, ban hành các

chương trình, chính sách phát triển ngành một cách đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, phù hợp với bối cảnh chung. Tương ứng với các kỳ chiến lược phát triển KT-XH quốc gia, các ngành, lĩnh vực đã xây dựng hệ thống chiến lược phát triển cho ngành, lĩnh vực của mình.

Giai đoạn 2011-2020, các bộ, ngành đã xây dựng 26 chiến lược phát triển bao phủ hầu hết các ngành, lĩnh vực. Trong đó, các mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện chiến lược ngành, lĩnh vực rất rõ nét, có tầm nhìn dài hạn với các mục tiêu tổng quát, cụ thể, bắt kịp xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế hiện nay. Hầu hết, chiến lược của các ngành, lĩnh vực có quan hệ mật thiết với nhau và việc triển khai chiến lược có sự phối hợp giữa bộ, ngành chủ quản với các bộ, ngành liên quan. Các chiến lược ngành, lĩnh vực giai đoạn 2011-2020 đã tập trung vào 3 khâu đột phá của chiến lược phát triển KT-XH đất nước thời kỳ 2011-2020.

Do đặc điểm tình hình, vị trí, tầm quan trọng của vùng DTTS&MN đối với sự phát triển KT-XH cả nước, hầu hết các ngành, lĩnh vực khi thực hiện đều có mối liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến các DTTS. Khi thực hiện, các ngành khai thác hết tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để đạt được mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, đồng bào DTTS do những yếu tố khách quan, chủ quan, không được thụ hưởng trực tiếp kết quả đầu tư của các ngành. Với vị trí quan trọng của vấn đề dân tộc đối với sự phát triển bền vững của đất nước, khi xây dựng mục tiêu phát triển, các ngành cần xem xét yếu tố dân tộc và lợi ích bình đẳng của các dân tộc trong từng nội dung hoạt động. Hơn nữa, vị trí chiến lược của các dân tộc phải là căn cứ để các bộ, ngành hoạch định chính sách, chiến lược phát triển của mình.

Có thể nói, Chiến lược CTDT đã chỉ rõ các mục tiêu, nội dung chủ yếu đối với CTDT đến năm 2020. Các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ có mối quan hệ mật thiết với chiến lược của các ngành, lĩnh vực khác trong hệ thống chiến lược tổng thể của quốc gia. CTDT không thể tách biệt, mà liên hệ mật thiết với công tác giáo dục, phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng... thể hiện ở các nội dung:

*Thứ nhất, phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là người DTTS.* Thực hiện nhiệm vụ này góp phần quan trọng trong sự nghiệp chung của cả nước, cũng như mục tiêu nhiệm vụ chiến lược của ngành giáo dục. Việc thực hiện chiến lược CTDT và chiến lược phát triển giáo dục đào tạo có mối quan hệ tác động qua lại, chiến lược CTDT với việc đề ra các nhiệm vụ, nội dung rõ nét hơn cần phải thực hiện cho giáo dục đào tạo vùng DTTS&MN: “Đổi mới các chính sách giáo dục ở các cấp, mở rộng việc dạy và học ngôn ngữ DTTS trong các trường phổ thông; đổi mới, nâng cao hiệu quả các chính sách cử tuyển dành cho con em các

DTTS vào học tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; nâng cao chất lượng, hiệu quả trường phổ thông dân tộc nội trú; mở rộng các khoa dự bị đại học trong các trường đại học cho người DTTS; xây dựng chính sách hỗ trợ phù hợp cho học sinh, sinh viên là người DTTS theo từng cấp học, ưu tiên cho vùng đặc biệt khó khăn”... Chiến lược phát triển Giáo dục đào tạo thời kỳ 2011-2020 cũng dành nội dung 6 đề “Tăng cường hỗ trợ phát triển giáo dục đối với các vùng khó khăn, DTTS và đối tượng chính sách xã hội”. Trong đó, có những nội dung chi tiết như “Xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm đảm bảo bình đẳng về cơ hội học tập, hỗ trợ và ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo nhân lực cho vùng đồng bào DTTS, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo; chính sách ưu đãi với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở vùng DTTS&MN, vùng khó khăn...”. Như vậy, so sánh giữa hai bản chiến lược CTDT và chiến lược phát triển giáo dục đào tạo thấy rằng, hai chiến lược có mối quan hệ qua lại hữu cơ, cùng chung mục tiêu là góp phần quan trọng trong sự phát triển giáo dục đào tạo của cả nước nói chung và của vùng đồng bào DTTS&MN nói riêng.

*Thứ hai, phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH vùng DTTS&MN.* Cơ sở hạ tầng có vai trò quan trọng trong việc phát triển KT-XH của bất kỳ quốc gia nào, trong đó với vị trí chiến lược, quan trọng về quốc phòng, an ninh, thì việc phát triển cơ sở hạ tầng vùng DTTS&MN lại càng quan trọng. Chiến lược CTDT đến năm 2020 đã nêu rõ những nội dung quan trọng của việc phát triển cơ sở hạ tầng, đó là “Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH địa bàn DTTS, trước hết là hoàn thành việc xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, trung tâm các xã, thôn, bản; đảm bảo điện thấp sáng, các công trình nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, chợ; gắn với sắp xếp, ổn định dân cư thuận lợi cho phát triển; hạn chế tình trạng di cư tự phát. Phát triển hạ tầng truyền dẫn phát sóng đồng bộ, đảm bảo chuyển tải được các dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người DTTS”. Nhìn vào nội dung này có thể thấy, chiến lược phát triển này có liên quan hữu cơ mật thiết qua lại với chiến lược phát triển của một số ngành như giao thông vận tải, xây dựng, thông tin liên lạc, y tế... với mục tiêu chung cho sự phát triển KT-XH quốc gia.

*Thứ ba, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội vùng DTTS&MN.* Văn hóa – xã hội là một trong những lĩnh vực cần được chú trọng, chiến lược CTDT nêu rõ: “Xây dựng chính sách bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình

bằng tiếng DTTS; xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở vùng DTTS&MN gắn với di tích lịch sử ở từng vùng, từng địa phương; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, thông tin; nâng cao chất lượng tuyên truyền, vận động chống các biểu hiện mê tín, dị đoan, suy thoái đạo đức, lối sống; thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, sự tiến bộ của phụ nữ; chăm sóc và bảo vệ quyền trẻ em DTTS; bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân theo quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa...” (Thủ tướng Chính phủ, 2013). Trong chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 cũng chỉ rõ: “Đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hoá dân tộc, vừa phát huy mạnh mẽ tính đa dạng, bản sắc độc đáo của văn hoá các dân tộc anh em, vừa kiên trì củng cố và nâng cao tính thống nhất trong đa dạng của văn hoá Việt Nam, tập trung xây dựng những giá trị văn hoá mới, đi đôi với việc mở rộng và chủ động trong giao lưu quốc tế, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hoá thế giới, làm phong phú thêm nền văn hoá dân tộc, bất kể sự phát triển của thời đại. Tạo mọi điều kiện nâng cao mức hưởng thụ và tham gia hoạt động, sáng tạo văn hoá của nhân dân; phấn đấu từng bước thu hẹp sự chênh lệch về hưởng thụ văn hoá, nghệ thuật giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, vùng đồng bào các DTTS, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo” (Thủ tướng Chính phủ, 2009)...

Như vậy, cả chiến lược CTDT và các chiến lược phát triển văn hóa, chiến lược bình đẳng giới, chiến lược phát triển gia đình... đều có mối quan hệ tác động hữu cơ qua lại, không tách rời, chung một mục tiêu góp phần quan trọng trong sự phát triển văn hóa, xã hội chung của cả nước và có những nhiệm vụ riêng đối với vùng DTTS&MN ở các lĩnh vực khác nhau. Chiến lược ngành, lĩnh vực khác thực hiện và hỗ trợ cùng chiến lược CTDT với mục tiêu chung là thực hiện tốt các quan điểm, định hướng, mục tiêu, giải pháp của chiến lược phát triển KT-XH quốc gia đối với mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau.

*Thứ tư, vấn đề phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo vùng DTTS&MN.* Phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo vùng DTTS&MN có mối quan hệ chặt chẽ với chiến lược phát triển của một số ngành như nông nghiệp, công nghiệp, chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, nông thôn mới... để hướng tới mục tiêu chung phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo của cả nước.

Chiến lược CTDT đến năm 2020 đã chỉ rõ những nhiệm vụ trọng tâm là “Phát huy lợi thế so sánh, hình thành vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa như cà phê, điều, tiêu, cao su, chè và đồ gỗ xuất khẩu vùng DTTS&MN ở khu vực Tây Nguyên... chuyên canh ngô hàng hóa ở miền núi phía Bắc; công nghiệp chế biến, cây ăn quả ở Nam Bộ...”.

Nội dung này liên hệ mật thiết và hỗ trợ Chiến lược phát triển Nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2011-2020 trong việc phát triển nông nghiệp nông thôn cả nước, nhưng có những nhiệm vụ cụ thể gắn với vùng DTTS&MN. Chiến lược này cũng có quan hệ chặt chẽ với chiến lược phát triển công nghiệp đến năm 2020, trong đó có ngành công nghiệp chế biến. Đối với ngành du lịch, Chiến lược phát triển ngành Du lịch đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã khẳng định, du lịch vùng DTTS&MN đang từng bước thay đổi với nhiều loại hình du lịch khác nhau như du lịch trải nghiệm, du lịch mạo hiểm, kết hợp yếu tố văn hóa truyền thống, làng nghề... đã và đang được chú trọng để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế quốc gia nói chung, vùng DTTS&MN nói riêng về yếu tố tự nhiên, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc và các thế mạnh đặc trưng của vùng miền...

Như vậy có thể thấy, bất kể bản chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực nào, phần thực hiện chiến lược đều là sự phối hợp của nhiều bộ, ngành trong chức năng, nhiệm vụ của mình để cùng thực hiện mục tiêu đề ra. Chính vì vậy, sau khi có Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược CTDT đến năm 2020, các bộ, ngành đã căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền của mình để xây dựng chương trình hành động của bộ, ngành mình thực hiện các nội dung của chiến lược CTDT. Trong đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ thực hiện dự án “Dự án điều tra đánh giá thực trạng đồng bào DTTS thiếu đất sản xuất, quy hoạch quỹ đất sản xuất, đề xuất các chính sách để giải quyết đất sản xuất cho đồng bào DTTS”; Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Tư Pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện đề án “Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, đồng bào DTTS, đồng bào vùng biên giới, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn”; Bộ Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thực hiện đề án “Xây dựng cầu dân sinh quy mô nhỏ (2,5-5 tấn, rộng 2,4-4m) đảm bảo an toàn giao thông”; Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài Chính, các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Ủy ban Dân tộc thực hiện “Đề án trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS thường trú ngoài vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn giai đoạn 2015 – 2020”; Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tài Chính, Ủy ban Dân tộc thực hiện “Xây dựng chính sách hỗ trợ học bổng cho sinh viên người DTTS nghèo, cận nghèo thi đỗ vào trường đại học”...

#### 4.3. Quan hệ của chiến lược công tác dân tộc

**với chiến lược của các địa phương**

Chiến lược CTDT có thực hiện được và thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào chương trình hành động cụ thể của từng địa phương. Căn cứ vào Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược CTDT đến năm 2020, các tỉnh đã xây dựng, ban hành chương trình hành động của tỉnh để thực hiện chiến lược CTDT. Theo đó, kế hoạch thực hiện của các tỉnh đều nhằm mục đích: định hướng xây dựng chương trình, chính sách, dự án, đề án cụ thể triển khai nhiệm vụ của chiến lược CTDT và tổ chức thực hiện nhằm đạt mục tiêu mà chiến lược CTDT đã đề ra, tạo chuyển biến quan trọng về nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội về CTDT. Đồng thời, phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án, đề án, chính sách đối với vùng DTTS&MN của các tỉnh. Với mục đích như vậy, cấp tỉnh đã yêu cầu các cấp, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện hiệu quả nội dung Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020. Các tỉnh cũng yêu cầu các cấp, ngành, huyện... nâng cao vai trò tham mưu, đề xuất về cơ chế, giải pháp thực hiện các chính sách dân tộc, tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện những nội dung nêu trong Kế hoạch và xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, ngành trong thực hiện các chương trình, dự án, chính sách đối với vùng đồng bào DTTS; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đồng bào DTTS.

Các tỉnh đã đề ra 10 nội dung thực hiện chiến lược CTDT cho tỉnh mình, bao gồm: (i) Phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là đồng bào DTTS. (ii) Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ người DTTS; củng cố an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội vùng DTTS&MN. (iii) Phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo đồng bào vùng DTTS&MN. (iv) Phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH vùng DTTS&MN. (v) Phát triển toàn diện các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe. (vi) Bảo tồn, phát triển văn hóa, xã hội vùng DTTS&MN. (vii) Tập trung đầu tư phát triển địa bàn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN. (viii) Đảm bảo nước sinh hoạt, môi trường sống vùng DTTS&MN. (ix) Đảm bảo nước sinh hoạt, môi trường sống vùng DTTS&MN. (x) Phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

Để thực hiện tốt các nội dung đó, các tỉnh đã phân công trách nhiệm tới từng sở, ban, ngành như

Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo... và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố của các tỉnh xây dựng kế hoạch và đôn đốc thực hiện các nội dung chiến lược CTDT nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra.

Như trên đã phân tích, việc xây dựng chiến lược phát triển KT-XH của các địa phương là sự cụ thể hóa chiến lược phát triển KT-XH của quốc gia, chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực, trong đó có chiến lược CTDT. Chiến lược CTDT là một trong những căn cứ quan trọng để các tỉnh xây dựng chiến lược phát triển KT-XH của tỉnh, bởi thực hiện CTDT là một phần trong nhiệm vụ phát triển KT-XH của các tỉnh.

**5. Thảo luận**

Chiến lược CTDT giai đoạn 2021-2030 nằm trong tổng thể chiến lược phát triển KT-XH của đất nước, là một bộ phận của chiến lược quốc gia, đồng thời là một thành tố của các chiến lược theo lĩnh vực. Vì vậy, chiến lược CTDT cần được Chính phủ triển khai thành chương trình hành động để thực hiện đồng bộ với quá trình thực hiện mục tiêu chiến lược quốc gia và các chiến lược theo từng lĩnh vực. Nội dung chiến lược CTDT cần giải quyết được một số vấn đề sau:

- Chiến lược phải được xây dựng dựa trên nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Kể từ khi ra đời, Đảng ta luôn lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam của mọi hành động. Về vấn đề dân tộc, Đảng luôn nhất quán với quan điểm: vấn đề dân tộc, CTDT và đoàn kết dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng Việt Nam. Nghị quyết Trung ương lần thứ bảy khóa IX của Đảng đã ra nghị quyết chuyên đề về CTDT, trong đó khẳng định: “Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam”. Chính vì vậy, khi xây dựng chiến lược CTDT cần dựa trên các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của nước ta, trong đó cần thống nhất quan điểm, xác định đúng, rõ, vị trí của chiến lược CTDT là bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển KT-XH quốc gia giai đoạn 2021-2030.

- Chiến lược CTDT phải đưa ra nội dung, giải pháp khắc phục những bất cập của hệ thống văn bản, chính sách dân tộc hiện nay.

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, chương trình, dự án, đầu tư

vào vùng DTTS&MN và miền núi. Bên cạnh những thành công, kết quả đạt được, quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách cũng có nhiều hạn chế, bất cập; tình hình KT-XH vùng DTTS&MN có nhiều thay đổi, nhưng so với mặt bằng chung của cả nước còn rất khó khăn, các dịch vụ cơ bản về giáo dục, y tế, giao thông còn nhiều yếu kém; hệ thống chính sách dân tộc mang tính ngắn hạn, chủ yếu là giải quyết tình thế, thiếu định hướng trung hạn và dài hạn, chưa có cơ chế khuyến khích xã hội hóa đầu tư, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ, bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết việc làm và các chính sách tạo điều kiện để phát huy nội lực của cộng đồng các DTTS; chưa có sự kết nối giữa chính sách đối với vùng miền và chính sách đối với nhóm dân tộc, từng dân tộc... Những vấn đề này đã được nhiều nghiên cứu, báo cáo của Chính phủ chi ra.

Do đó, chiến lược CTDT phải đề xuất được những quan điểm, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp để khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập của các vấn đề chính sách trên.

- Chiến lược phải dự báo được nguồn lực tài chính để thực hiện các chính sách đã được ban hành.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, hệ thống chính sách pháp luật về lĩnh vực dân tộc đặt ra các mục tiêu lớn, nhưng kinh phí bố trí thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách còn hạn chế, suất đầu tư thấp, chưa đáp ứng được mục tiêu và kế hoạch đề ra, chưa coi đầu tư cho vùng DTTS&MN và miền núi là đầu tư cho phát triển của quốc gia. Thực tiễn của những năm qua cho thấy, bố trí nguồn tài chính cho nhiều chính sách chưa đủ, thậm chí nhiều chính sách không đủ 20% (việc cân đối, bố trí vốn cho các chính sách chưa được chủ động, chưa đảm bảo cho các mục tiêu và kế hoạch đã được phê duyệt).

Mặt khác, hầu hết các địa phương vùng DTTS&MN và miền núi có tỷ lệ hộ nghèo cao, không có khả năng bố trí nguồn vốn để thực hiện các chính sách dân tộc mà chủ yếu dựa vào nguồn vốn Trung ương, nên việc lồng ghép nguồn lực của các chương trình, đề án, chính sách còn khó khăn, hiệu quả chưa cao.

Để xây dựng được chiến lược giai đoạn 2021-2030, cần tập trung vào những giải pháp sau:

*Thứ nhất*, đánh giá sâu sắc chiến lược CTDT đến năm 2020 theo Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020. Việc đánh giá chiến lược CTDT đến năm 2020 rất quan trọng để nhìn nhận lại toàn bộ quá trình thực hiện chiến lược, thấy được những kết quả, thành tựu và quan trọng là tìm ra được những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, từ đó đề ra những quan điểm, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp cho Chiến lược CTDT giai đoạn 2021-2030. Việc

đánh giá cần thực hiện qua các hình thức, phương pháp khác nhau có sự tham gia của các nhà quản lý, nhà khoa học từ Trung ương tới địa phương thông qua các cuộc hội thảo, tọa đàm và các cuộc điều tra, khảo sát điền.

*Thứ hai*, chiến lược giai đoạn 2021-2030 cần xây dựng trên cơ sở nhìn nhận, phân tích đánh giá tình hình và xu thế phát triển KT-XH của đất nước nói chung, tình hình và xu thế phát triển KT-XH vùng DTTS&MN nói riêng.

*Thứ ba*, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng chiến lược giai đoạn 2021-2030, trong đó Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc là Trưởng ban Chỉ đạo và các thành viên là lãnh đạo các bộ, ngành, các tổ chức chính trị xã hội, các tỉnh, các vụ, đơn vị của Ủy ban Dân tộc như Vụ Tổng hợp, Vụ Pháp chế, Vụ Chính sách dân tộc, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Học viện Dân tộc...

*Thứ tư*, cần bố trí đủ kinh phí để thực hiện xây dựng chiến lược giai đoạn 2021-2030. Kinh phí thực hiện cho việc xây dựng chiến lược rất quan trọng trong các hoạt động liên quan như hội thảo, tham vấn ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học tại Trung ương và địa phương.

*Thứ năm*, cần đổi mới cách làm từ tư duy chiến lược cho đến hành động. Khi xây dựng chiến lược, người làm chiến lược cần xác định rõ Chiến lược CTDT giai đoạn 2021-2030 là bộ phận không tách rời Chiến lược phát triển KT-XH quốc gia và là căn cứ để các bộ ngành khác xây dựng chiến lược của họ. Bởi tất cả các lĩnh vực, các ngành đều có ảnh hưởng, tác động tới vùng DTTS&MN.

## 6. Kết luận

Năm 2020 là năm quan trọng để tổng kết, đánh giá chiến lược CTDT giai đoạn 2011-2020 và đề xuất chiến lược CTDT cho giai đoạn 2021-2030. Bài viết đã cho thấy, việc xây dựng chiến lược CTDT có vai trò và nhiệm vụ quan trọng để định hướng cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về CTDT và xây dựng chính sách dân tộc. Do tính chất đặc thù của lĩnh vực CTDT là “đa ngành, đa lĩnh vực”, nên việc xây dựng chiến lược CTDT cần đặt trong mối quan hệ đa chiều. Một mặt vừa là chiến lược ngành, nhằm cụ thể hóa chiến lược phát triển KT-XH của quốc gia, mặt khác cũng đồng thời có mối quan hệ qua lại với các chiến lược của các bộ, ngành và địa phương.

Giai đoạn 2021-2030, bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có nhiều thay đổi, có tác động trực tiếp đến sự phát triển của vùng DTTS&MN ở nước ta. Điều đó đòi hỏi chiến lược CTDT trong giai đoạn này phải giải quyết được những bất cập, tồn tại hạn chế của giai đoạn trước, đồng thời có giải pháp linh hoạt, ứng phó với những biến đổi khó lường của thiên tai, dịch bệnh và sự chống phá của các thế lực thù địch nhằm vào vùng DTTS&MN.

**Tài liệu tham khảo**

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2011-2020*. Văn kiện Đại hội Đảng XI.
- Diễn, K. (2011). *Cơ sở khoa học xây dựng chiến lược phát triển các dân tộc thiểu số đến năm 2020*. Đề tài cấp Bộ thuộc Ủy ban Dân tộc.
- Hùng, P. V. (2003). *Nghiên cứu xây dựng định hướng chiến lược phát triển bền vững vùng dân tộc và miền núi*. Báo cáo kết quả dự án.
- Quế, N. T. (2001). Các xu hướng chủ yếu của việc lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế của các quốc gia trong 20 năm đầu của thế kỷ XXI. *Tạp chí những vấn đề kinh tế thế giới, Số 1*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2009). *Quyết định số 581/QĐ-TTg, ngày 06/5/2009 về việc phê duyệt Chiến lược Phát triển văn hóa đến năm 2020*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2013). *Quyết định số 449/QĐ-TTg, ngày 12/3/2013 phê duyệt Chiến lược Công tác dân tộc đến năm 2020*.
- UNDP, & Viện Chiến lược phát triển. (2001). *Việt Nam hướng tới 2010, tập I*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Ủy ban Dân tộc. (2006). *Phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Viện Dân tộc - Ủy ban Dân tộc. (2006). *60 năm công tác Dân tộc – Thực tiễn và bài học kinh nghiệm*. Hà Nội: Nxb. Lý luận chính trị.
- Viện Chiến lược phát triển. (2010). *Cơ sở khoa học một số vấn đề trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn 2020*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2000). *Cơ sở khoa học của một số vấn đề trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020*. Hà Nội. Báo cáo tổng hợp đề tài, chủ nhiệm TS. Lưu Bích Hồ.
- Vịnh, N. D. (2003). *Nghiên cứu Chiến lược và Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội ở Việt nam – Học hỏi và sáng tạo*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Quốc hội. *Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*. , (2019).
- Thành, N. Đ. (2011). *Phát triển nguồn nhân lực ở vùng DTTS Việt Nam đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Thành, N. L. (2014). *Chính sách phát triển vùng DTTS phía Bắc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Tổng cục Thống kê, & Ủy ban Dân tộc. (2019). *Điều tra thực trạng kinh tế xã hội 53 DTTS, năm 2019, số liệu sơ bộ*.

**RELATION OF ETHNIC AFFAIR STRATEGY WITH SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT STRATEGIES AND STRATEGIES OF MINISTRIES, BRANCHES, LOCALITIES**

**Hoang Xuan Luong<sup>a</sup>**  
**Phan Van Cuong<sup>b</sup>**

<sup>a</sup> Committee for Ethnic Minority Affairs

Email: [hoangxluong@gmail.com](mailto:hoangxluong@gmail.com)

<sup>b</sup> Vietnam Academy for Ethnic Minorities

Email: [cuongpv@hvd.edu.vn](mailto:cuongpv@hvd.edu.vn)

Received: 03/8/2020

Reviewed: 14/9/2020

Revised: 14/9/2020

Accepted: 16/9/2020

Released: 30/9/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/442>

**Abstract:** 2020 is an important and landmark year for the country, the Party Central Committee and the Politburo direct the review of the socio-economic development strategy for the period of 2011-2020 and develop the strategy for the period of 2021 - 2030, vision of 2045. This is the basis for ministries, central agencies and localities to summarize and formulate strategies of branches and fields of management, including ethnic minority affairs. Ethnic affairs strategies relate to many branches and fields, apart from implementing and concretizing the views, tasks and solutions of the country's socio-economic development strategy. Due to the specificity of ethnic work being "multidisciplinary, multidisciplinary", the formulation of ethnic affairs strategy should demonstrate the role of coordination, appraisal, inspection and supervision for branches, fields related to the development of ethnic minority areas.

**Keywords:** Ethnic affairs strategy; Socio-economic development strategy; Ethnic minorities and mountainous areas.